

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
NAM VIỆT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	13 - 31
8. Phụ lục	32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000050 ngày 02 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 05 tháng 10 năm 2006, lần thứ 04 ngày 30 tháng 6 năm 2008 và lần thứ 05 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 8 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 18 tháng 8 năm 2007 về việc thay đổi tỷ lệ góp vốn của cổ đông.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Doãn Tới	299.500.000.000	45,38
Ông Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	13,64
Ông Nguyễn Duy Nhứt	100.000.000	0,01
Các cổ đông khác	270.400.000.000	40,97
Cộng	660.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại : (84-76) 3834060

Fax : (84-76) 3834054

E-mail : namviettagg@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : 1600168736

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 có lãi chủ yếu là do giá bán tăng, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và chi phí vận chuyển giảm.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 31).

Trong kỳ, Công ty chia cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 23 tháng 4 năm 2011 với số tiền là 59.044.725.000 VNĐ.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Thừa Bửu	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Quốc Xã	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	24 tháng 4 năm 2011
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Khôi	Trưởng ban	20 tháng 9 năm 2009	24 tháng 4 năm 2011
Ông Trần Ánh	Trưởng ban	24 tháng 4 năm 2011	-
Ông Hà Anh Tú	Thành viên	20 tháng 4 năm 2010	24 tháng 4 năm 2011
Ông Lương Văn Hữu	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-
Ông Bùi Thiện Khánh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	15 tháng 8 năm 2006	-
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 10 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

02047.
CÔNG
CH NHIỆM
KIỂM TO
TƯ V
TP H

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Doãn Tới
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0783/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty cổ phần Nam Việt gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 02 tháng 8 năm 2011, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.262.021.566.113	1.341.127.556.246
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	151.495.712.841	69.543.874.576
1. Tiền	111		14.395.712.841	17.562.854.576
2. Các khoản tương đương tiền	112		137.100.000.000	51.981.020.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		69.312.735.805	128.966.244.506
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	69.312.735.805	128.966.244.506
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		902.612.460.488	919.205.589.849
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	453.565.361.726	495.455.760.552
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	11.668.196.530	5.465.497.849
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	492.534.974.955	472.971.414.288
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(55.156.072.723)	(54.687.082.840)
IV. Hàng tồn kho	140		120.712.206.375	211.633.544.645
1. Hàng tồn kho	141	V.7	121.674.995.381	217.090.050.158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(962.789.006)	(5.456.505.513)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.888.450.604	11.778.302.670
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.191.506.617	5.617.781.540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	11.696.943.987	6.160.521.130

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		582.487.068.443	560.972.844.914
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		181.212.827.491	177.031.332.030
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	54.934.980.533	68.953.240.219
<i>Nguyên giá</i>	222		230.834.461.244	233.479.319.558
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(175.899.480.711)	(164.526.079.339)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	16.400.087.259	16.196.229.384
<i>Nguyên giá</i>	228		16.593.198.822	16.359.258.822
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(193.111.563)	(163.029.438)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	109.877.759.699	91.881.862.427
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		400.927.096.400	383.513.754.400
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	128.000.000.000	128.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	52.204.000.000	31.900.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	233.400.000.000	233.400.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(12.676.903.600)	(9.786.245.600)
V. Tài sản dài hạn khác	260		347.144.552	427.758.484
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.17	347.144.552	427.758.484
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.844.508.634.556	1.902.100.401.160

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		534.628.737.028	558.012.174.560
I. Nợ ngắn hạn	310		532.893.014.265	555.873.382.138
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	147.354.668.064	226.996.080.000
2. Phải trả người bán	312	V.19	336.185.361.706	280.201.740.616
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	12.139.216.996	23.965.339.074
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	4.064.034.467	4.124.487.640
5. Phải trả người lao động	315	V.22	1.072.862.289	1.117.175.687
6. Chi phí phải trả	316		293.149.753	493.639.348
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	18.932.676.641	5.630.194.398
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	12.851.044.349	13.344.725.375
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.735.722.763	2.138.792.422
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	1.735.722.763	2.138.792.422
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.309.879.897.528	1.344.088.226.600
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.309.879.897.528	1.344.088.226.600
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	660.000.000.000	660.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	611.965.459.100	611.965.459.100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.26	(27.417.629.848)	(27.417.629.848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	65.332.068.276	99.540.397.348
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.844.508.634.556	1.902.100.401.160

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	2.598.204.737
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		14.264.181.471	14.264.181.471
5. Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		521.213,88	757.475,28
- Euro (EUR)		1.664,45	1.669,64
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

An Giang, ngày 02 tháng 8 năm 2011

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Đoãn Tới
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	677.176.296.090	680.187.228.448
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.442.181.609	5.276.196.696
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	671.734.114.481	674.911.031.752
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	627.880.068.442	642.798.841.348
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.854.046.039	32.112.190.404
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	52.783.945.236	49.464.626.806
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	23.156.313.290	21.127.534.415
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.945.912.773	17.162.948.210
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	31.986.041.354	57.689.942.850
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.908.405.544	12.033.223.678
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.587.231.087	(9.273.883.733)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.357.287.229	1.817.870.223
12. Chi phí khác	32	VI.8	11.027.508.456	352.187.316
13. Lợi nhuận khác	40		(6.670.221.227)	1.465.682.907
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.917.009.860	(7.808.200.826)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	80.613.932	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>24.836.395.928</u>	<u>(7.808.200.826)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>-</u>	<u>-</u>

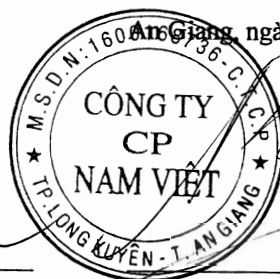
S.Đ.K.K.



Trần Thị Quý
Người lập biểu



Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Doãn Tới
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 02 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.917.009.860	(7.808.200.827)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	12.986.859.168	14.535.205.467
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8, V.16	(1.134.068.624)	9.711.366.231
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(14.066.330.232)	(13.924.922.190)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(12.878.229.242)	(9.274.070.075)
		VI.8		
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	15.945.912.773	17.162.948.210
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.771.153.703	10.402.326.817
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.440.890.210	112.771.374.870
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		95.415.054.777	(79.072.945.713)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		56.297.410.479	122.084.135.091
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(16.146.402.368)	(16.230.199.548)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	19.100.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.24	(493.681.026)	(736.472.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		182.284.425.775	168.318.219.142
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, VII	(18.065.204.266)	(3.008.897.512)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.401.872.727	611.587.614
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(110.946.337.785)	(174.878.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	170.599.846.486	94.035.491.272
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(20.304.000.000)	(19.753.713.184)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	15.224.796.115	6.398.569.037
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		37.910.973.277	(96.594.962.773)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	451.001.498.001	638.410.385.600
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(530.515.473.137)	(751.475.060.264)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(58.767.194.700)	(35.171.541.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(138.281.169.836)	(148.236.216.164)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		81.914.229.216	(76.512.959.795)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	69.543.874.576	182.150.410.080
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		37.609.049	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	151.495.712.841	105.637.450.285

An Giang, ngày 02 tháng 8 năm 2011

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

1020
CỘNG HÒA
KIỂM
TƯ
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản. Mua bán kim loại và quặng kim loại.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 306 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.449 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 có lãi chủ yếu là do giá bán tăng, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và chi phí vận chuyển giảm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

7446
G TY
M HỮU
OÁN V
VĂN
O CH

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

102
CÔ
IÁCH N
KIẾN
TI
VIT

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
30/6/2011 : 20.618 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	773.777.559	846.787.753
Tiền gửi ngân hàng	13.621.935.282	16.716.066.823
Các khoản tương đương tiền (*)	137.100.000.000	51.981.020.000
Cộng	151.495.712.841	69.543.874.576

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kỳ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang	-	50.000.000.000
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay	5.495.007.559	48.984.102.291
Cho Công ty TNHH Cromit Nam Việt vay	63.817.728.246	29.982.142.215
Cộng	69.312.735.805	128.966.244.506

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng nước ngoài	223.157.996.525	275.267.926.956
Các khách hàng trong nước	230.407.365.201	220.187.833.596
Cộng	453.565.361.726	495.455.760.552

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc Proconco Cần Thơ	5.165.079.965	-
Công ty cổ phần Docifish	1.545.660.376	-
Trung tâm phát triển quỹ đất An Giang	1.632.000.000	1.632.000.000
Trung Tâm công nghệ đào tạo và hệ thống việc làm	1.028.647.200	1.429.957.200
Các nhà cung cấp khác	2.296.808.989	2.403.540.649
Cộng	11.668.196.530	5.465.497.849

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho nhân viên vay	24.328.038.221	1.760.046.294
Thuế GTGT, thuế nhập khẩu chờ hoàn	-	44.505.600
Lãi cho vay, kỳ phiếu và tiền gửi có kỳ hạn	5.968.352.367	8.655.309.324
Chi hộ cước vận chuyển cho Công ty cổ phần Ba Long	2.566.183.020	2.566.183.020
Tiền, vật tư cho mượn	459.147.695.122	459.272.782.379
Các khoản phải thu khác	524.706.225	672.587.671
Cộng	492.534.974.955	472.971.414.288

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	742.718.628	11.761.870.631
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	8.601.951.113	116.941.466
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	37.588.850.143	37.611.011.885
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	8.222.552.839	5.197.258.858
Cộng	55.156.072.723	54.687.082.840

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	54.687.082.840
Trích lập dự phòng bổ sung	468.989.883
Số cuối kỳ	55.156.072.723

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	11.598.480.258	9.404.281.278
Công cụ, dụng cụ	808.931.075	848.412.494
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.488.756.347	7.672.474.360
Thành phẩm	72.625.490.600	185.448.359.067
Hàng gửi đi bán	15.153.337.101	13.716.522.959
Cộng	121.674.995.381	217.090.050.158

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	5.456.505.513
Hoàn nhập dự phòng	(4.493.716.507)
Số cuối kỳ	962.789.006

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	80.717.966.047	131.161.722.651	14.108.646.732	7.490.984.128	233.479.319.558
Thanh lý, nhượng bán	(224.416.108)	(1.973.137.920)	(447.304.286)	-	(2.644.858.314)
Số cuối kỳ	80.493.549.939	129.188.584.731	13.661.342.446	7.490.984.128	230.834.461.244
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.361.454.108	26.925.653.035	3.646.429.336	3.024.365.837	37.957.902.316
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	54.185.736.833	94.025.621.678	10.651.829.681	5.662.891.147	164.526.079.339
Khấu hao trong kỳ (*)	3.030.777.178	8.423.258.692	966.656.491	536.084.682	12.956.777.043
Thanh lý, nhượng bán	(211.948.547)	(1.141.746.870)	(229.680.254)	-	(1.583.375.671)
Số cuối kỳ	57.004.565.464	101.307.133.500	11.388.805.918	6.198.975.829	175.899.480.711
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	26.532.229.214	37.136.100.973	3.456.817.051	1.828.092.981	68.953.240.219
Số cuối kỳ	23.488.984.475	27.881.451.231	2.272.536.528	1.292.008.299	54.934.980.533
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	60.681.935.991	90.373.391.763	2.388.254.619	2.394.910.200	155.838.492.573
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

(*) Trong đó, khấu hao của các tài sản cố định hữu hình chưa cần dùng hạch toán vào chi phí khác là 9.777.797.782 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.183.967.822	175.291.000	16.359.258.822
Mua sắm trong kỳ	-	233.940.000	233.940.000
Số cuối kỳ	16.183.967.822	409.231.000	16.593.198.822
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	133.538.500	133.538.500
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	163.029.438	163.029.438
Khấu hao trong kỳ	-	30.082.125	30.082.125
Số cuối kỳ	-	193.111.563	193.111.563
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.183.967.822	12.261.562	16.196.229.384
Số cuối kỳ	16.183.967.822	216.119.437	16.400.087.259
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển khác	Số cuối kỳ
Dự án nuôi trồng cón				
Bà Hòa	70.225.028.670	2.897.272	(7.000.000)	70.220.925.942
Đất khu bệnh xá				
công an	19.280.000.000	18.000.000.000	-	37.280.000.000
Nồi hơi	328.020.000	-	-	328.020.000
Bể xử lý nước thải	1.456.210.000	-	-	1.456.210.000
Chi phí khác	592.603.757	-	-	592.603.757
Cộng	91.881.862.427	18.002.897.272	(7.000.000)	109.877.759.699

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Ấn Độ Dương ^(a)	36.000.000.000	36.000.000.000
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt ^(b)	92.000.000.000	92.000.000.000
Cộng	128.000.000.000	128.000.000.000

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5704000012 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Ấn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2801172029 ngày 16 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Cromit Nam Việt 92.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem ^(a)	31.900.000.000	31.900.000.000
Công ty cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa ^(b)	20.304.000.000	-
Cộng	52.204.000.000	31.900.000.000

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000200 ngày 18 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem 435.000.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 3.190.000 cổ phiếu, tương đương 1,59% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem là 403.100.000.000 VND.

(b) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 29/NQ-ĐHCD ngày 01 tháng 12 năm 2010, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa 200.000.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư 20.304.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa là 179.696.000.000 VND.

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		188.200.000.000		188.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông (MDB)	54.000	135.000.000.000	54.000	135.000.000.000
Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không	4.000.000	43.200.000.000	4.000.000	43.200.000.000
Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		45.200.000.000		45.200.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long	2.000.000	20.200.000.000	2.000.000	20.200.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bàn Việt	200	20.000.000.000	200	20.000.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Cộng		233.400.000.000		233.400.000.000

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	9.786.245.600
Trích lập dự phòng bổ sung	2.890.658.000
Số cuối kỳ	12.676.903.600

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	427.758.484
Số hoàn nhập	(80.613.932)
Số cuối kỳ	<u>347.144.552</u>

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	146.341.297.501	216.996.080.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	35.596.080.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(a)	110.424.741.501	119.300.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang ^(b)	35.916.556.000	62.100.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.013.370.563	10.000.000.000
Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam	-	10.000.000.000
Công ty TNHH Ấn Độ Dương ^(c)	1.013.370.563	-
Cộng	<u>147.354.668.064</u>	<u>226.996.080.000</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH Ấn Độ Dương.

(c) Khoản vay Công ty TNHH Ấn Độ Dương để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	216.996.080.000	399.667.361.501	(470.194.707.200)	(127.436.800)	146.341.297.501
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	10.000.000.000	51.334.136.500	(60.320.765.937)	-	1.013.370.563
Cộng	<u>226.996.080.000</u>	<u>451.001.498.001</u>	<u>(530.515.473.137)</u>	<u>(127.436.800)</u>	<u>147.354.668.064</u>

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	126.753.279	135.679.740
Các nhà cung cấp trong nước	59.247.621.148	50.870.907.880
Các nhà cung cấp là công ty có liên quan	276.810.987.279	229.195.152.996
Cộng	<u>336.185.361.706</u>	<u>280.201.740.616</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng nước ngoài	6.370.052.438	12.459.842.064
Các khách hàng trong nước	5.769.164.558	11.505.497.010
Cộng	12.139.216.996	23.965.339.074

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	716.346.966	(716.346.966)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	-	147.892.508	(147.892.508)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	74.142.202	(73.798.378)	(70.824)	273.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.973.883.885	-	-	3.973.883.885
Thuế thu nhập cá nhân	76.461.553	1.916.062.548	(1.902.646.519)	89.877.582
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	4.124.487.640	2.709.503.644	(2.769.956.817)	4.064.034.467

(*) Trong năm, Công ty đã điều chỉnh giảm số thuế phải nộp của các năm trước do xác định không còn phải nộp, nên số phải nộp phát sinh số âm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu 5%
- Mỡ cá, thuê nhà 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CNUB ngày 16 tháng 8 năm 2004 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp và Công văn số 2657/CT.TTr2 ngày 28 tháng 11 năm 2006 của Cục thuế tỉnh An Giang, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu với thuế suất thuế 20% trong 10 năm kể từ năm 2005. Ngoài ra Công ty còn được ưu đãi bổ sung như sau:

- Được giảm 50% số thuế phải nộp cho phần thu nhập có được khi xuất khẩu ra thị trường quốc gia mới hoặc lãnh thổ mới khác với thị trường trước đây.
- Được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu trong năm tài chính đối với nhà đầu tư có doanh thu xuất khẩu năm nay cao hơn năm trước.
- Được giảm 20% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong năm tài chính khi có doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu và duy trì thị trường xuất khẩu ổn định về số lượng hoặc giá trị hàng hóa xuất khẩu trong 3 năm liên tục trước đó.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.917.009.860	(7.808.200.826)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	18.052.650.586	2.265.265.641
- Các khoản điều chỉnh giảm	(15.590.704.605)	(14.546.326.701)
Thu nhập chịu thuế	27.378.955.841	(20.089.261.886)
Lỗi các năm trước được chuyển	(284.515.627.012)	-
Thu nhập tính thuế	(257.136.671.171)	(20.089.261.886)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 còn phải trả nhân viên.

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp	373.810.343	299.699.374
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	15.912.068.057	3.651.566.206
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	818.838.200	541.307.900
Các khoản phải trả khác	1.827.960.041	1.137.620.918
Cộng	18.932.676.641	5.630.194.398

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	13.344.725.375
Chi quỹ	(493.681.026)
Số cuối kỳ	12.851.044.349

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	2.138.792.422
Số đã chi	(403.069.659)
Số cuối kỳ	1.735.722.763



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 32.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	58.767.194.700
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	58.767.194.700

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	677.176.296.090	680.187.228.448
- Doanh thu bán hàng hóa	8.102.536.033	4.762.175.406
- Doanh thu bán thành phẩm	669.073.760.057	675.425.053.042
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(5.442.181.609)	(5.276.196.696)
- Giảm giá hàng bán	(5.442.181.609)	(1.743.066.654)
- Hàng bán bị trả lại	-	(3.533.130.042)
Doanh thu thuần	671.734.114.481	674.911.031.752
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	8.102.536.033	4.762.175.406
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	663.631.578.448	670.148.856.346

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	6.483.513.392	8.131.648.239
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	625.890.271.557	624.953.798.466
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.493.716.507)	9.713.394.643
Cộng	627.880.068.442	642.798.841.348

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	427.756.836.196	530.496.187.334
Chi nhân công trực tiếp	882.580.800	19.260.836.805
Chi phí sản xuất chung	99.697.202.844	154.220.446.257
Tổng chi phí sản xuất	528.336.619.840	703.977.470.396
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(13.816.281.987)	6.691.880.798
Tổng giá thành sản xuất	514.520.337.853	710.669.351.194
Chênh lệch tồn kho thành phẩm và hàng gửi bán	111.386.054.325	(85.715.552.728)
Nhập khác	(16.120.621)	-
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	625.890.271.557	624.953.798.466

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.062.234.476	6.155.194.709
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	247.785.646	412.675.827
Lãi tiền cho vay	7.987.129.128	531.200.517
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.091.608.055	1.082.333.611
Cổ tức, lợi nhuận được chia	396.867.499	1.200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.066.330.232	13.924.922.190
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.931.990.200	26.158.299.952
Cộng	52.783.945.236	49.464.626.806

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.945.912.773	17.162.948.210
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.319.742.517	3.964.586.205
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.890.658.000	-
Cộng	23.156.313.290	21.127.534.415

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	64.551.358
Chi phí nhân công	706.052.040	807.698.716
Chi phí hoa hồng	1.494.763.293	1.933.897.379
Chi phí vận chuyển	22.158.895.864	47.215.587.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.124.291.445	6.250.120.218
Chi phí khác	502.038.712	1.418.088.156
Cộng	31.986.041.354	57.689.942.850

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	317.093.095	814.910.104
Chi phí nhân công	4.621.080.457	4.666.333.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.755.078.513	2.136.397.237
Thuế, phí và lệ phí	769.556.533	684.390.096
Chi phí dự phòng	468.989.883	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	449.355.563	1.355.796.314
Chi phí khác	1.527.251.500	2.375.396.432
Cộng	9.908.405.544	12.033.223.678

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.401.872.727	611.587.614
Thu nhập khác	2.955.414.502	1.206.282.609
Cộng	4.357.287.229	1.817.870.223

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.061.482.643	306.246.376
Chi phí khấu hao TSCĐ tạm thời không sử dụng	9.777.797.782	-
Chi phí khác	188.228.031	45.940.940
Cộng	11.027.508.456	352.187.316

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	433.243.707.146	541.219.770.154
Chi phí nhân công	7.297.698.457	31.729.811.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.209.061.386	14.535.266.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.122.792.230	177.604.321.015
Chi phí khác	4.357.807.519	8.611.467.555
Cộng	570.231.066.738	773.700.636.924

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Cuối kỳ, nợ phải trả mua sắm tài sản cố định là 1.399.815.400 VND (số đầu năm là 1.235.182.394 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan là 498.827.638 VND (số đầu năm là 522.641.552 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 179.947.974 VND (kỳ trước là 327.587.486 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Ân Độ Dương	Công ty con
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt	Công ty con
Công ty cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	2.505.178.000	32.101.482.500
Lãi cho vay	3.061.735.365	114.372.049
Cho vay	12.215.000.000	50.160.000.000
Chi hộ	1.358.280	-
Cho mượn nguyên liệu	-	19.111.400
Chi phí gia công	21.581.478	13.481.807.000
Mua sản phẩm	8.659.379.473	1.421.449.323
Chi phí thuê kho, thuê tài sản	347.272.602	797.184.654
Thu hộ	1.872.808	33.680.802.549
Mua tài sản	-	56.761.902
Công ty TNHH Ấn Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	36.493.421.555	10.220.965.200
Bán nguyên vật liệu	-	17.820.000
Lãi cho vay	240.142.785	252.877.918
Cho vay	57.310.000.000	56.370.000.000
Chi hộ	1.795.945.086	109.409.697
Cho mượn nguyên vật liệu	-	1.318.280
Chi phí gia công	89.131.512.080	121.925.864.910
Chi phí mua sản phẩm	2.200.707.630	5.903.102.387
Mua khác	-	3.747.600
Nhận tiền vay	51.334.136.500	50.785.305.600
Chi phí lãi vay	151.081.567	231.955.281
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt		
Bán tài sản	360.000.000	278.405.796
Mua hàng	3.802.874.392	-
Chi hộ	233.568.883	231.085.222
Lãi cho vay	4.334.478.899	-
Cho vay	41.421.337.785	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải thu tiền bán hàng	168.393.675.549	160.489.513.655
Phải thu khác	3.953.023	-
Cho vay	5.495.007.559	48.984.102.291
Công ty TNHH Ấn Độ Dương		
Phải thu tiền bán hàng	-	2.299.716
Cho mượn tiền	450.000.000.000	450.000.000.000
Phải thu khác	4.876.858.708	4.881.114.848
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt		
Phải thu bán hàng	820.156.396	940.166.129
Phải thu lãi vay	4.820.352.624	-
Cho vay	63.817.728.246	29.982.142.215
Phải thu khác	1.610.122.422	1.346.417.531
Cộng nợ phải thu	699.837.854.527	696.625.756.385



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải trả tiền hàng	229.406.185	229.406.185
Phải trả khác	2.030.185	157.377
Công ty TNHH Ân Độ Dương		
Phải trả tiền hàng	276.581.581.094	228.965.746.811
Tiền vay	1.013.370.563	-
Phải trả khác	60.042.131	-
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt		
Phải trả khác	-	572.727
Cộng nợ phải trả	<u>277.886.430.158</u>	<u>229.195.883.100</u>

Ngoài ra, Công ty TNHH Ân Độ Dương còn dùng tài sản cố định của mình để bảo lãnh thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	517.435.545.606	545.706.106.189
Trong nước	154.298.568.875	129.204.925.563
Cộng	<u>671.734.114.481</u>	<u>674.911.031.752</u>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty hầu như chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.


Trần Thị Quý
Người lập biểu


Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng


Đoàn Tới
Tổng Giám đốc



An Giang, ngày 02 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

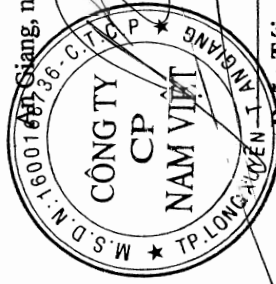
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
				Cộng
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	1.374.720.588.528
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.170.263.072
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(32.802.625.000)
Số dư cuối năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	99.540.397.348
				1.344.088.226.600
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	1.344.088.226.600
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	24.836.395.928
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(59.044.725.000)
Số dư cuối kỳ	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	1.309.879.897.528

001 An Giang, ngày 02 tháng 8 năm 2011



Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

Trần Thị Quý
Người lập biểu